TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CAO LỘC** **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2023/HS-ST
Ngày 21/6/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LỘC, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Nông Thị Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Đình Đông

Ông Hoàng Mạnh Sằn.

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Lê Quỳnh Anh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên toà*:** Bà Nguyễn Thu Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 27/2023/TLST-HS, ngày 14 tháng 4 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2023/QĐXXST - HS, ngày 22 tháng 5 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số: 25/2023/HSST-QĐ ngày 07/6/2023 đối với bị cáo:

Nguyễn Đình C, tên gọi khác: Không, sinh ngày 07 tháng 10 năm 1986 tại tỉnh Lạng Sơn; nơi cư trú: Tổ E, khối F, thị trấn C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 5/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đình I và bà Hoàng Thị O; vợ: Hoàng Thị A; con: Có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật. Bị cáo bị tạm giam từ ngày 12/12/2022 đến ngày 13/01/2022 được áp dụng biện pháp cho bảo lĩnh đến nay; có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Anh Hoàng Trung T; sinh năm 1986; địa chỉ: Thôn D, xã H, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

2. Anh Hoàng Văn L; sinh năm 1990; địa chỉ: Thôn B, xã O, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

3. Chị Trần Thị H; sinh năm 1990; địa chỉ: Tổ X, khối K, thị trấn C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

4. Anh Vy Văn D; sinh năm 1997; địa chỉ: Thôn N, xã L, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

5. Anh Hoàng Văn S; sinh năm 1996; địa chỉ: Xã H, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

- *Người chứng kiến:* Anh Lý Văn M; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Đình C hoạt động kinh doanh "dịch vụ Cầm đồ" từ năm 2018. Do thấy nhiều người có nhu cầu vay tiền để làm ăn và chi tiêu sinh hoạt nên từ năm 2020, Nguyễn Đình C đã nảy sinh ý định cho người khác vay tiền với lãi suất cao nhằm mục đích kiếm lời. Nguyễn Đình C thỏa thuận mức lãi suất với người vay, từ 3.000 đồng đến 5.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày. Người vay sẽ trả lãi cho Nguyễn Đình C theo từng tháng (một tháng là 30 ngày). Quá trình cho vay, Nguyễn Đình C ghi chép vào những tờ giấy cá nhân tên người vay, số tiền vay và mức lãi suất. Tiền lãi hàng tháng sẽ do người vay trực tiếp đến nhà trả cho Nguyễn Đình C.

Với lãi suất Nguyễn Đình C cho vay nêu trên, tương ứng từ 109,5%/ năm đến 182,5%/ năm. Theo quy định của Bộ luật dân sự thì lãi suất cho vay không đươc vượt quá 20%/ năm, tương ứng với 547,95 đồng/1.000.000 đồng/ngày. Quá trình điều tra đã xác định, làm rõ số tiền Nguyễn Đình C cho người khác vay, thu lãi hợp pháp và thu lợi bất chính như sau:

1. Đối với khoản vay của Hoàng Trung T:

Ngày 10/02/2020, Hoàng Trung T vay Nguyễn Đình C số tiền là 20.000.000 đồng, với lãi suất là 5.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, lãi sẽ đóng theo tháng. Hoàng Trung T trả tiền lãi trong vòng 24 tháng (từ thời điểm vay cho đến 10/03/2022). Sau đó Nguyễn Đình C và Hoàng Trung T thỏa thuận với nhau sẽ không tính tiền lãi nữa mà cho Hoàng Trung T trả tiền gốc trong vòng 10 tháng, mỗi tháng Hoàng Trung T phải trả 2.000.000 đồng tiền gốc cho Nguyễn Đình C. Hoàng Trung T bắt đầu trả tiền gốc cho Nguyễn Đình C từ tháng 5/2022 đến tháng 9/2022, mỗi tháng trả 2.000.000 đồng, như vậy tổng số tiền gốc Hoàng Trung T đã trả được cho Nguyễn Đình C là 10.000.000 đồng. Hiện tại Hoàng Trung T còn nợ Nguyễn Đình C 10.000.000 đồng tiền gốc của khoản vay và không tính lãi.

Số tiền lãi hợp pháp mà Nguyễn Đình C được hưởng (từ ngày 11/02/2020 đến ngày 10/03/2022) là: 20.000.000 đồng x 547,95 đồng/1.000.000 đồng/ngày x 759 ngày = 8.317.881 đồng. Số tiền lãi mà Hoàng Trung T phải trả cho Nguyễn Đình C theo thỏa thuận của hai bên (từ ngày 11/02/2020 đến ngày 10/03/2022) là: 20.000.000 đồng x 5.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày x 759 ngày =75.900.000 đồng. Số tiền Nguyễn Đình C thu lợi bất chính theo thỏa thuận (từ

ngày 11/02/2020 đến ngày 10/03/2022) là: 75.900.000 đồng - 8.317.881 đồng = 67.582.119 đồng.

Nhưng thực tế Nguyễn Đình C bắt đầu thu tiền lãi của Hoàng Trung T từ tháng 03/2020 đến tháng 03/2022 (24 tháng), mỗi tháng thu 3.000.000 đồng tiền lãi. Tổng số tiền lãi mà Nguyễn Đình C đã nhận được từ Hoàng Trung T là 72.000.000 đồng. Số tiền Nguyễn Đình C thực tế thu lợi bất chính (từ ngày 11/02/2020 đến ngày 10/03/2022) là: 72.000.000 đồng - 8.317.881 đồng = 63.682.119 đồng.

2. Đối với khoản vay của Hoàng Văn L:

Ngày 20/06/2020, Hoàng Văn L vay Nguyễn Đình C số tiền là 25.000.000 đồng, với lãi suất là 5.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, lãi sẽ đóng theo tháng. Đến ngày 20/12/2020 Hoàng Văn L đã trả được 15.000.000 đồng tiền gốc cho Nguyễn Đình C. Như vậy, tính từ ngày 20/12/2020 trở đi Hoàng Văn L còn vay của Nguyễn Đình C số tiền là 10.000.000 đồng, với lãi suất là 5.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, lãi sẽ đóng theo tháng. Như vậy, số tiền lãi hợp pháp mà Nguyễn Đình C được hưởng là 6.435.672 đồng, trong đó:

+ Từ ngày 21/06/2020 đến ngày 20/12/2020 là: 25.000.000 đồng x 547,95 đồng/1.000.000 đồng/ngày x 183 ngày = 2.506.871 đồng;

+ Từ ngày 21/12/2020 đến ngày 07/12/2022 là: 10.000.000 đồng x 547,95 đồng/1.000.000 đồng/ngày x 717 ngày = 3.928.801 đồng. Số tiền lãi mà Hoàng Văn L phải trả cho Nguyễn Đình C theo thỏa thuận của hai bên là 58.725.000 đồng, trong đó:

+ Từ ngày 21/06/2020 đến ngày 20/12/2020 là: 25.000.000 đồng x 5.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày x 183 ngày = 22.875.000 đồng.

+ Từ ngày 21/12/2020 đến ngày 07/12/2022 là: 10.000.000 đồng x 5.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày x 717 ngày = 35.850.000 đồng.

Số tiền Nguyễn Đình C thu lợi bất chính theo thỏa thuận (từ ngày 21/06/2020 đến ngày 07/12/2022) là: 58.725.000 đồng - 6.435.672 đồng =52.289.328 đồng. Nhưng thực tế Nguyễn Đình C đã thu được 17.500.000 đồng tiền lãi của Hoàng Văn L từ thời điểm vay cho đến ngày 20/12/2020. Số tiền thực tế Nguyễn Đình C đã thu lợi bất chính (từ ngày 21/06/2020 đến ngày 20/12/2022) là: 17.500.000 đồng - 2.506.871 đồng 14.993.129 đồng.

3. Đối với khoản vay của Trần Thị H:

Ngày 15/08/2021, Trần Thị H vay Nguyễn Đình C số tiền là 60.000.000 đồng, với lãi suất là 3.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, lãi sẽ đóng theo tháng. Đến ngày 15/11/2022 Trần Thị H đã trả được 10.000.000 đồng tiền gốc cho Nguyễn Đình C. Như vậy tính từ ngày 16/11/2022 trở đi, chị Trần Thị H còn vay của Nguyễn Đình C số tiền là 50.000.000 đồng, với lãi suất là 3.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, lãi sẽ đóng theo tháng.

Như vậy, số tiền lãi hợp pháp mà Nguyễn Đình C được hưởng là 15.627.534 đồng, trong đó:

+ Từ ngày 16/08/2021 đến ngày15/11/2022 là: 60.000.000 đồng x 547,95 đồng/1.000.000 đồng/ngày x 457 ngày = 15.024.789 đồng;

+ Từ ngày 16/11/2022 đến ngày 07/12/2022 là: 50.000.000 đồng x 547,95 đồng/1.000.000 đồng/ngày x 22 ngày = 602.745 đồng.

Số tiền lãi mà Trần Thị H phải trả cho Nguyễn Đình C theo thỏa thuận của hai bên là 85.560.000 đồng, trong đó:

+ Từ ngày 16/8/2021 đến ngày 15/11/2022 là 60.000.000 đồng x 3.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày x 457 ngày = 82.260.000 đồng.

+ Từ ngày 16/11/2022 đến ngày 07/12/2022 là: 50.000.000 đồng x 3.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày x 22 ngày = 3.300.000 đồng.

Số tiền Nguyễn Đình C thu lợi bất chính theo thỏa thuận (từ ngày 16/08/2021 đến ngày 07/12/2022) là: 85.560.000 đồng - 15.627.534 đồng = 69.932.466 đồng. Nhưng thực tế Nguyễn Đình C đã thu được 81.000.000 đồng tiền lãi của chị Trần Thị H từ thời điểm vay cho đến ngày 15/11/2022.

Số tiền thực tế Nguyễn Đình C đã thu lợi bất chính (từ ngày 16/08/2021 đến ngày 15/11/2022) là: 81.000.000 đồng - 15.024.789 đồng = 65.975.211 đồng.

4. Đối với khoản vay của Vy Văn D:

Ngày 18/01/2022, Vy Văn D vay Nguyễn Đình C số tiền là 10.000.000 đồng, với lãi suất là 4.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, lãi sẽ đóng theo tháng. Như vậy, số tiền lãi hợp pháp mà Nguyễn Đình C được (từ ngày 19/01/2022 đến ngày 07/12/2022) là: 10.000.000 đồng x 547,95 đồng/1.000.000 đồng/ngày x 323 ngày = 1.769.879 đồng. Số tiền lãi mà Vy Văn D phải trả cho Nguyễn Đình C theo thỏa thuận của hai bên (từ ngày 19/01/2022 đến ngày 07/12/2022) là: 10.000.000 đồng x 4.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày x 323 ngày = 12.920.000 đồng.

Số tiền Nguyễn Đình C thu lợi bất chính theo thỏa thuận (từ ngày 19/01/2022 đến ngày 07/12/2022) là: 12.920.000 đồng - 1.769.879 đồng =11.150.121 đồng. Nhưng thực tế Nguyễn Đình C đã thu được 10.800.000 đồng tiền lãi của Vy Văn D từ thời điểm vay cho đến ngày 18/10/2022.

Như vậy, số tiền lãi hợp pháp mà Nguyễn Đình C được (từ ngày 19/01/2022 đến ngày 18/10/2022) là: 10.000.000 đồng x 547,95 đồng/1.000.000 đồng/ngày x 273 ngày = 1.495.904 đồng.

- Số tiền thực tế Nguyễn Đình C đã thu lợi bất chính (từ ngày 19/01/2022 đến ngày 18/10/2022) là: 10.800.000 đồng -1.495.904 đồng = 9.304.096 đồng.

5. Đối với khoản vay của Hoàng Văn S:

Ngày 28/03/2022, Hoàng Văn S vay Nguyễn Đình C số tiền là 20.000.000 đồng, với lãi suất là 3.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, lãi sẽ đóng theo tháng. Như vậy, số tiền lãi hợp pháp mà Nguyễn Đình C được (từ ngày 29/03/2022 đến ngày 07/12/2022) là: 20.000.000 đồng x 547,95 đồng/1.000.000 đồng/ngày x 254 ngày = 2.783.586 đồng. Số tiền lãi mà Hoàng Văn S phải trả cho Nguyễn Đình C theo thỏa thuận của hai bên (từ ngày 29/03/2022 đến ngày 07/12/2022)

là: 20.000.000 đồng x 3.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày x 254 ngày = 15.240.000 đồng.

Số tiền Nguyễn Đình C thu lợi bất chính theo thỏa thuận (từ ngày 29/03/2022 đến ngày 07/12/2022) là: 15.240.000 đồng - 2.783.586 đồng = 12.456.414 đồng.

Nhưng thực tế Nguyễn Đình C đã thu được 14.400.000 đồng tiền lãi của Hoàng Văn S từ thời điểm vay cho đến ngày 28/11/2022.

Như vậy, số tiền lãi hợp pháp mà Nguyễn Đình C được (từ ngày 29/03/2022 đến ngày 28/11/2022) là: 20.000.000 đồng x 547,95 đồng/1.000.000 đồng/ngày x 245 ngày = 2.684.955 đồng.

Số tiền thực tế Nguyễn Đình C đã thu lợi bất chính (từ ngày 29/03/2022 đến ngày 28/11/2022) là: 14.400.000 đồng - 2.684.955 đồng 11.715.045 đồng.

Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Đình C đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân, lời khai nhận đó phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, vật chứng thu giữ được và các tài liệu chứng cứ khác thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

Vật chứng thu giữ gồm: 05 tờ giấy có các dòng chữ viết tay và chữ ký xác nhận của Nguyễn Đình C (đã lưu trong hồ sơ vụ án); 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 11 Pro Max màu trắng, cũ đã qua sử dụng có số IMEI 1 353900105101178, số IMEI 2 353900105173813.

Tại bản Cáo trạng số: 27/CT-VKS, ngày 10 tháng 04 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn truy tố bị cáo Nguyễn Đình C về Tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, theo khoản 2 Điều 201 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa:

Bị cáo khai nhận diễn biến hành vi phạm tội như đã nêu ở trên, và thừa nhận nội dung bản cáo trạng đã nêu đúng, đầy đủ hành vi phạm tội và không có ý kiến khác.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là người vay tiền của bị cáo Nguyễn Đình C gồm: Anh Hoàng Văn L, chị Trần Thị H, anh Hoàng Văn S đều vắng mặt, nhưng trong lời khai tại Cơ quan điều tra họ đều thừa nhận về hình thức vay, số tiền vay, trả tiền lãi như bị cáo đã khai nhận và họ không có yêu cầu bị cáo Nguyễn Đình C phải trả khoản tiền lãi bất hợp pháp cho họ.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là người vay tiền của bị cáo Nguyễn Đình C gồm: Anh Hoàng Trung T, anh Vy Văn D có mặt đều trình bày việc mình vay nợ bị cáo, hình thức vay, số tiền vay, trả tiền lãi cho bị cáo như bị cáo đã khai và các anh không có yêu cầu bị cáo Nguyễn Đình C phải trả khoản tiền lãi bất hợp pháp cho họ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đình C phạm Tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự. Áp dụng khoản 2 Điều 201; Điều 50; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Nguyễn Đình C từ 06 (sáu) tháng đến 09

(chín) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 (mười hai) đến 18 (mười tám) tháng.

Về hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 3 Điều 201 của Bộ luật Hình sự năm 2015, áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo Nguyễn Đình C số tiền từ 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) đến 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng) để sung ngân sách Nhà nước.

Về vật chứng: Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015; điểm a, b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Đối với 05 (năm) tờ giấy có các dòng chữ viết tay và chữ ký xác nhận của Nguyễn Đình C (đã lưu trong hồ sơ vụ án) nên không đề nghị xem xét xử lý.

Đối với 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 11 Pro Max màu trắng, cũ đã qua sử dụng có số IMEI 1 353900105101178, số IMEI 2 353900105173813 xác định bị cáo đã dùng vào việc phạm tội. Đề nghị tịch thu, hóa giá nộp ngân sách Nhà nước.

Về áp dụng các biện pháp tư pháp: Áp dụng khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 5 của Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Đề nghị Hội đồng xét xử truy thu nộp ngân sách Nhà nước số tiền sau, gồm:

- Truy thu của bị cáo Nguyễn Đình C số tiền lãi tương ứng với mức 20%/01 năm mà bị cáo đã nhận. Cụ thể nhận của anh Hoàng Trung T 8.317.881 đồng (tám triệu ba trăm mười bẩy nghìn tám trăm tám mươi mốt đồng); anh Hoàng Văn L 2.506.871 đồng (hai triệu năm trăm linh sáu nghìn tám trăm bảy mươi mốt đồng); chị Trần Thị H 15.024.789 đồng (mười lăm triệu không trăm hai bốn nghìn bẩy trăm tám mươi chín đồng); anh Vy Văn D 1.495.904 đồng (một triệu bốn trăm chín mươi lăm nghìn chín trăm linh bốn đồng), anh Hoàng Văn S 2.684. 955 đồng (hai triệu sáu trăm tám mươi tư nghìn chín trăm năm mươi năm đồng).Tổng cộng là 30.030.400 đồng (ba mươi triệu không trăm ba mươi nghìn bốn trăm đồng), vì đây là số tiền phát sinh từ tội phạm.

- Truy thu của bị cáo Nguyễn Đình C số tiền nợ gốc mà những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án đã trả cho bị cáo Nguyễn Đình C là 35.000.000 đồng (ba mươi năm triệu đồng), cụ thể: Anh Hoàng Trung T đã trả 10.000.000 đồng (mười triệu đồng), anh Hoàng Văn L 15.000.000 đồng (mười năm triệu đồng), chị Trần Thị H 10.000.000 đồng (mười triệu đồng), vì đây là số tiền bị cáo dùng vào việc phạm tội.

- Truy thu số tiền nợ gốc của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án chưa trả cho bị cáo Nguyễn Đình C là 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng). Cụ thể anh Hoàng Trung T 10.000.000 đồng (mười triệu đồng), anh Hoàng Văn L 10.000.000 đồng (mười triệu đồng), chị Trần Thị H 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng), anh Vy Văn D 10.000.000 đồng (mười triệu đồng), anh Hoàng Văn S 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng), vì đây là số tiền bị cáo dùng vào việc phạm tội.

- Đối với số tiền lãi thu lợi bất hợp pháp thực tế những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án đã trả cho bị cáo là 165.669.600 đồng (một trăm sáu mươi lăm triệu sáu trăm sáu mươi chín nghìn sáu trăm đồng) bị cáo Nguyễn Đình C đã nhận của anh Hoàng Trung T 63.682.119 đồng (sáu mươi ba triệu sáu trăm tám mươi hai nghìn một trăm mười chín đồng); anh Hoàng Văn L 14.993.129 đồng (mười bốn triệu chín trăm chín mươi ba nghìn một trăm hai mươi chín đồng); chị Trần Thị H 65.972.211 đồng (sáu mươi lăm triệu chín trăm bẩy mươi hai nghìn hai trăm mười một đồng), anh Vy Văn D 9.304. 096 đồng (chín triệu ba trăm linh bốn nghìn không trăm chín mươi sáu đồng), anh Hoàng Văn S 11.715.045 đồng (mười một triệu bẩy trăm mười lăm nghìn không trăm bốn mươi lăm đồng). Tuy nhiên, do những những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án anh Hoàng Trung T, anh Hoàng Văn L, chị Trần Thị H, anh Vy Văn D, anh Hoàng Văn S không yêu cầu bị cáo phải trả lại cho họ, như vậy những người này đã tự từ bỏ quyền sở hữu của họ, nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 239 Bộ luật Dân sự năm 2015 mà ghi nhận ý kiến của họ trong bản án.

Về án phí: Bị cáo Nguyễn Đình C phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Trong phần tranh luận: Bị cáo không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát. Khi nói lời nói sau cùng bị cáo xin Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án anh Hoàng Trung T, anh Vy Văn D không có ý kiến tranh luận nhất trí với bản luận tội của Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã khai báo phù hợp với các chứng cứ khác và không có khiếu nại về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên là hợp pháp.

[2] Về thủ tục tố tụng: Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vay tiền của bị cáo gồm anh Hoàng Văn L, chị Trần Thị H, anh Hoàng Văn S, người chứng kiến anh Lý Văn M đều vắng mặt. Xét thấy, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người chứng kiến đã có lời khai tại Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Cao Lộc, việc những người này vắng mặt tại phiên tòa không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án. Nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, xét xử vắng mặt những người này theo quy định của pháp luật.

[3] Xét lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có trong hồ sơ vụ án, phù hợp biên bản xác định số tiền thu lợi bất chính và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được trong hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ

cơ sở kết luận: Từ ngày 10/02/2020 đến ngày 07/12/2022, Nguyễn Đình C sử dụng 135.000.000 đồng cho người khác vay với lãi suất cao tương ứng từ 109,5%/ năm đến 182,5%/ năm, nhằm mục đích kiếm lời. Nguyễn Đình C cho Hoàng Trung T vay 20.000.000 đồng với lãi suất là 5.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày tương ứng với 182,5%/ năm, cao gấp 9,125 lần mức lãi suất quy định, thu lời bất chính 67.582.119 đồng. Cho Hoàng Văn L vay 25.000.000 đồng với lãi suất là 5000 đồng/1.000.000 đồng/ngày tương ứng với 182,5%/ năm, cao gấp 9,125 lần mức lãi suất quy định, thu lời bất chính 52.289.328 đồng; Vy Văn D vay 10.000.000 đồng với lãi suất là 4.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày tương ứng với 146%/ năm, cao gấp 7,3 lần mức lãi suất quy định, thu lời bất chính 11.150.121 đồng; Trần Thị H vay 60.000.000 đồng lãi suất là 3.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày tương ứng với lãi suất 109,5 %/năm cao gấp 5,475 lần mức lãi suất quy định, thu lời bất chính 69.932.466 đồng và Hoàng Văn S vay 20.000.000 đồng lãi suất là 3000 đồng/1.000.000 đồng/ ngày tương ứng với lãi suất 109,5 %/năm cao gấp 5,475 lần mức lãi suất quy định, thu lời bất chính 12.456.414 đồng. Như vậy, tổng số tiền Nguyễn Đình C thu lợi bất chính là 213.410.448 đồng (hai trăm mười ba triệu bốn trăm mười nghìn bốn trăm bốn mươi tám đồng). Hành vi trên của bị cáo Nguyễn Đình C đã cấu thành Tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, được quy định tại khoản 2 Điều 201 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp nghiêm trọng, đã xâm phạm đến chính sách quản lý kinh tế, hoạt động tín dụng của Nhà nước, gây mất trật tự trị an tại địa phương, làm cho nhiều gia đình lâm vào cảnh điêu đứng, là nguyên nhân phát sinh tệ nạn tín dụng đen. Bị cáo là người trưởng thành, có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi cho vay lãi cao gấp từ 5 lần lãi quy định của Nhà nước trở lên là vi phạm pháp luật, nhưng chỉ vì lợi nhuận trước mắt, muốn làm giàu nhanh chóng bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội. Để góp phần đấu tranh phòng và chống tội phạm, giữ vững an ninh trật tự, an toàn xã hội cần phải xử lý nghiêm để răn đe bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung cho xã hội. Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn truy tố bị cáo ra trước Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn theo tội danh và điều khoản trong Bộ luật Hình sự như trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật.

[5] Để có căn cứ quyết định hình phạt đối với bị cáo, ngoài việc đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, cần xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và nhân thân của bị cáo, qua đó ấn định hình phạt phù hợp đối với bị cáo.

[6] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Nghị quyết 01/2021/NQ- HĐTP thì xác định Nguyễn Đình C đã nhiều lần thực hiện hành vi cho vay lãi nặng thu lời bất chính đối với khoản vay của anh Hoàng Trung T, anh Hoàng Văn L, chị Trần Thị H đều trên 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng), nên bị cáo có 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự phạm tội hai lần trở lên quy định tại điểm g khoản 2 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[7] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là: Thành khẩn khai nhận về hành vi phạm tội của mình, ăn năn hối lỗi về việc mình đã gây ra; nộp một phần khoản tiền thu lợi bất chính để khắc phục hậu

quả với số tiền là 40.000.000 đồng; ủng hộ Hội chữ thập đỏ huyện Cao Lộc số tiền 500.000 đồng, nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

[8] Về nhân thân: Bị cáo chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chưa bị xử phạt vi phạm vi phạm hành chính, nên bị cáo có nhân thân tốt.

[9] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, ngoài lần phạm tội này ra bị cáo luôn thực hiện đúng quy định của pháp luật và có nơi cư trú rõ ràng. Từ những phân tích trên, thấy bị cáo có đủ các điều kiện quy định tại Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 và Điều 2 Nghị quyết số 02/2018 ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân Tối cao. Vì vậy, không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà để cho bị cáo cải tạo tại địa phương, dưới sự giám sát của chính quyền địa phương và sự giúp đỡ của gia đình cũng đảm báo tính giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

[10] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 3 Điều 201 của Bộ luật Hình sự năm 2015, bị cáo còn có thể bị phạt bổ sung hình phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng. Xét thấy, bị cáo có thu nhập ổn định thể hiện tại biên bản xác minh ngày 20/2/2023 và lời khai của bị cáo tại phiên tòa, nên Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo với số tiền là 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) nộp ngân sách Nhà nước.

[11] Về xử lý vật chứng: Đối với 05 (năm) tờ giấy có các dòng chữ viết tay và chữ ký xác nhận của Nguyễn Đình C (đã lưu trong hồ sơ vụ án) nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết; đối với 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 11 Pro Max màu trắng, cũ đã qua sử dụng có số IMEI 1 353900105101178, số IMEI 2 353900105173813 xác định các bị cáo đã dùng vào việc phạm tội. Nên tịch thu, hóa giá nộp ngân sách Nhà nước.

[12] Về áp dụng biện pháp tư pháp: Căn cứ khoản 1 Điều 46; Điều 5 Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Truy thu của bị cáo Nguyễn Đình C số tiền lãi tương ứng với mức 20%/01 năm mà bị cáo đã nhận. Cụ thể nhận của anh Hoàng Trung T 8.317.881 đồng (tám triệu ba trăm mười bẩy nghìn tám trăm tám mươi mốt đồng); anh Hoàng Văn L 2.506.871 đồng (hai triệu năm trăm linh sáu nghìn tám trăm bảy mươi mốt đồng); chị Trần Thị H 15.024.789 đồng (mười lăm triệu không trăm hai bốn nghìn bẩy trăm tám mươi chín đồng); anh Vy Văn D 1.495.904 đồng (một triệu bốn trăm chín mươi lăm nghìn chín trăm linh bốn đồng), anh Hoàng Văn S 2.684. 955 đồng (hai triệu sáu trăm tám mươi tư nghìn chín trăm năm mươi năm đồng).Tổng cộng là 30.030.400 đồng (ba mươi triệu không trăm ba mươi nghìn bốn trăm đồng), vì đây là số tiền phát sinh từ tội phạm để nộp ngân sách Nhà nước.

[13] Truy thu của bị cáo Nguyễn Đình C số tiền nợ gốc mà những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án đã trả cho bị cáo Nguyễn Đình C là 35.000.000 đồng, cụ thể: Anh Hoàng Trung T đã trả 10.000.000 đồng (mười triệu đồng), anh Hoàng Văn L 15.000.000 đồng (mười năm triệu đồng), chị Trần Thị H 10.000.000 đồng (mười triệu đồng), vì đây là số tiền bị cáo dùng vào việc phạm tội, để nộp ngân sách Nhà nước.

[14] Truy thu số tiền nợ gốc của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án chưa trả cho bị cáo Nguyễn Đình C là 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng). Cụ thể anh Hoàng Trung T 10.000.000 đồng (mười triệu đồng), anh Hoàng Văn L 10.000.000 đồng (mười triệu đồng), chị Trần Thị H 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng), anh Vy Văn D 10.000.000 đồng (mười triệu đồng), anh Hoàng Văn S 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng), vì đây là số tiền bị cáo dùng vào việc phạm tội, để nộp ngân sách Nhà nước.

[15] Đối với số tiền lãi bất hợp pháp 165.669.600 đồng (một trăm sáu mươi lăm triệu đồng) là khoản bị cáo thu lời bất chính theo quy định phải buộc bị cáo có trách nhiệm trả lại tiền cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, cụ thể bị cáo phải trả cho anh Hoàng Trung T 63.682.119 đồng (sáu mươi ba triệu sáu trăm tám mươi hai nghìn một trăm mười chín đồng); anh Hoàng Văn L 14.993.129 đồng (mười bốn triệu chín trăm chín mươi ba nghìn một trăm hai mươi chín đồng); chị Trần Thị H 65.972.211 đồng (sáu mươi lăm triệu chín trăm bẩy mươi hai nghìn hai trăm mười một đồng), anh Vy Văn D 9.304. 096 đồng (chín triệu ba trăm linh bốn nghìn không trăm chín mươi sáu đồng), anh Hoàng Văn S 11.715.045 đồng (mười một triệu bẩy trăm mười lăm nghìn không trăm bốn mươi lăm đồng). Tuy nhiên, do những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án anh Hoàng Trung T, anh Hoàng Văn L, chị Trần Thị H, anh Vy Văn D, anh Hoàng Văn S không yêu cầu bị cáo phải trả lại cho họ. Như vậy, những người này đã tự từ bỏ quyền sở hữu của họ, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 239 Bộ luật Dân sự năm 2015 mà ghi nhận ý kiến của họ về việc từ bỏ quyền sở hữu này.

[16] Đối với số tiền 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng) bị cáo Nguyễn Đình C đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn sẽ tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

[17] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Đình C bị kết án nên bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nhìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước theo quy định tại khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[18] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát đề nghị với Hội đồng xét xử tại phiên tòa đối với bị cáo Nguyễn Đình C là phù hợp với nhận định trên, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[19] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo theo quy định tại các Điều 331; 332; 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2, 3 Điều 201; Điều 50; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015;

Căn cứ Điều 239 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 46; điểm a, b khoản 1, 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015; điểm a, b khoản 2 Điều 106; khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136; khoản 1 Điều 292; các điều 331, 332, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đình C phạm Tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự.

2. Hình phạt:

- Hình phạt chính:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đình C 09 (chín) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 (mười tám) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày 21/6/2023. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân thị trấn Cao Lộc, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân thị trấn Cao Lộc, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn trong việc giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

- Hình phạt bổ sung: Phạt tiền bị cáo 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) nộp ngân sách Nhà nước.

3. Về xử lý vật chứng

- Tịch thu hóa giá nộp ngân sách Nhà nước 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 11 Pro Max màu trắng, cũ đã qua sử dụng có số IMEI 1 353900105101178, số IMEI 2 353900105173813 thu giữ của bị cáo Nguyễn Đình C.

(Các vật chứng trên đang được lưu giữ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn và được ghi chi tiết tại biên bản giao nhận vật chứng ngày 15/4/2023 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn và Chi cục thi hành án dân sự huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn).

4. Các biện biện pháp tư pháp

4.1. Truy thu nộp ngân sách Nhà nước của bị cáo Nguyễn Đình C khoản lãi hợp pháp 30.030.400 đồng (ba mươi triệu không trăm ba mươi nghìn bốn trăm đồng) và khoản tiền gốc 35.000.000 đồng (ba mươi lăm triệu đồng. Tổng số tiền là 65. 030.400 đồng (sáu mươi lăm triệu không trăm ba mươi nghìn bốn trăm đồng).

4.2. Truy thu nộp ngân sách Nhà nước của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, gồm:

+ Anh Hoàng Trung T; địa chỉ: Thôn D, xã H, huyện C, tỉnh Lạng Sơn số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng).

+ Anh Hoàng Văn L; địa chỉ: Thôn B, xã O, huyện C, tỉnh Lạng Sơn số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng).

+ Chị Trần Thị H; địa chỉ: Tổ X, khối K, thị trấn C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng).

+ Anh Vy Văn D; địa chỉ: N, xã L, huyện C, tỉnh Lạng Sơn số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng).

+ Anh Hoàng Văn S; địa chỉ: Xã H, huyện C, tỉnh Lạng Sơn số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng).

- Ghi nhận ý kiến từ bỏ quyền sở hữu đối với số tiền lãi bất hợp pháp theo quy định mà bị cáo Nguyễn Đình C phải trả lại cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, cụ thể: Anh Hoàng Trung T 63.682.119 đồng (sáu mươi ba triệu sáu trăm tám mươi hai nghìn một trăm mười chín đồng); anh Hoàng Văn L 14.993.129 đồng (mười bốn triệu chín trăm chín mươi ba nghìn một trăm hai mươi chín đồng); chị Trần Thị H 65.972.211 đồng (sáu mươi lăm triệu chín trăm bảy mươi hai nghìn hai trăm mười một đồng), anh Vy Văn D 9.304.096 đồng (chín triệu ba trăm linh bốn nghìn không trăm chín mươi sáu đồng), anh Hoàng Văn S 11.715.045 đồng (mười một triệu bảy trăm mười lăm nghìn không trăm bốn mươi lăm đồng).

5. Tạm giữ số tiền 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng) bị cáo Nguyễn Đình C đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn để đảm bảo thi hành án.

6. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Đình C phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm để nộp ngân sách Nhà nước.

7. Về quyền kháng cáo: Bị cáo và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn;
- Công an huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn (03 bản);
- Đội Tổng hợp Công an huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn;
- Chi cục THADS huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn;
- Chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú;
- Bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nông Thị Hà